

Số: 391/2020/QĐST-HNGĐ

*Gò Vấp, ngày 07 tháng 5 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 399/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1968

Địa chỉ: xã Vĩnh T, huyện Gò Q, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1989

Thường trú: xã Vĩnh T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ cư trú: Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Kiều T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23 quyển số 01 ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã Nam Y, huyện Đak Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 09/4/2020; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29/4/2020; ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; bà Nguyễn Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Lin Đ, sinh ngày 31/3/2014; ông Nguyễn Minh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 10.000.000 đồng; tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Kiều T tự nguyện ly hôn; thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, mức cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Kiều T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23 quyển số 01 ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã Nam Y, huyện Đak Đ, tỉnh Gia Lai cấp cho ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Kiều T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Lin Đ, sinh ngày 31/3/2014.

Ông Nguyễn Minh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 10.000.000 đồng, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Kiều T, mỗi người chịu 150.000 đồng, được cân trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2019/0025953 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò

Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Kiều T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND xã Nam Y, huyện Đak Đ, tỉnh Gia Lai;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Hồng Cúc**